

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sang

Ông Lê Văn Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:**
Ông Tô Minh Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28, 29 tháng 3 năm 2024, tại Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Trụ sở: D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thanh T - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Địa chỉ: D đường C, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023). Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Văn K; sinh năm: 1971 và bà Đinh Thị Ngọc B; sinh năm: 1973. Địa chỉ: D khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Bà Phạm Thanh T1; sinh năm: 1997. Địa chỉ: D khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á cho rằng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có cấp tín dụng cho ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số CTH.CN.1418.260820 ngày 17/09/2020; số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng để sửa chữa nhà ở tại thửa 864, tờ bản đồ 7B khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; thời hạn vay 120 tháng; thoả thuận thanh toán nợ gốc và lãi hàng tháng, lãi suất được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Ngày 19/9/2020, ông K, bà B ký Khế ước nhận nợ số 318350109, ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), chuyển vào tài khoản thanh toán số 10904919 của bà Đinh Thị Ngọc B tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Thời hạn cho vay từ ngày 20/9/2020 đến ngày 19/9/2030, lãi suất trong hạn 9.5%/năm, cố định trong 06 tháng đầu, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần.

Ngày 23/9/2021, ông K, bà B có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung điều khoản thanh toán gốc và lãi số CTH.CN.1418.260820/SĐBS-01.

Ngoài ra, bà Đinh Thị Ngọc B có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, loại thẻ Visa Platium, cấp ngày 21/9/2020, hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000đ.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CTH.BĐCN.197.260820 ngày 18/09/2020 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á; hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 76m² (ODT) tại thửa đất số 864, tờ bản đồ số 7B, toạ lạc tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB751234 (Số vào sổ CH04427) do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 18/02/2016 do ông Phạm Văn K đứng tên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận số 318350109: ông K, bà B thanh toán gốc và lãi không đầy đủ, thanh toán lần cuối cùng vào ngày 05/10/2022 thì ngưng tổng cộng: tiền vốn đã trả 52.353.000đ; lãi đã trả: 51.327.193đ. Ngày 22/11/2022, Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn, kể từ ngày 08/12/2022 tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Đinh Thị Ngọc B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thông báo giao dịch hàng tháng và có khoản vay khác tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á bị chuyển nợ quá hạn nên thuộc trường hợp ngân hàng được quyền chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Vì vậy, ngày 21/10/2022, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Đinh Thị Ngọc B sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn theo thông báo ngày 31/10/2022.

Tính đến ngày 28/3/2024, ông K, bà B còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tổng cộng số tiền: 377.384.075đ (Ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng), cụ thể:

1. Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021 của ông Phạm Văn K, bà Đinh Thị Ngọc B; còn nợ vốn gốc: 247.647.000đ + lãi trong hạn: 15.511.743đ + lãi quá hạn: 54.890.243đ + phạt chậm trả lãi: 4.436.294đ; tổng cộng: 322.485.280đ.

2. Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Platinum cấp ngày 21/9/2020; tạm tính đến ngày 28/3/2024 còn nợ: vốn gốc: 36.068.287đ + lãi quá hạn: 18.830.508đ; tổng cộng: 54.898.795đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

Ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu, tạm tính đến ngày 28/3/2024, tổng cộng: 377.384.075đ; trong đó: vốn gốc 283.715.287đ + lãi trong hạn 15.511.743đ + lãi quá hạn 73.720.751đ + lãi phạt chậm trả lãi 4.436.294đ, cụ thể:

1. Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021: số tiền còn thiếu vốn gốc: 247.647.000đ + lãi trong hạn: 15.511.743đ + lãi quá hạn: 54.890.243đ + phạt chậm trả lãi: 4.436.294đ; tổng cộng: 322.485.280đ.

2. Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Platinum cấp ngày 21/9/2020; còn nợ: vốn gốc: 36.068.287đ + lãi quá hạn: 18.830.508đ; tổng cộng: 54.898.795đ.

Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký.

Nếu ông Phạm Văn K, bà Đinh Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu phát mãi tài sản đảm bảo của Hợp đồng thế chấp số CTH.BĐCN.197.260820 ngày 18/9/2020 để thu hồi nợ.

Nguyên đơn không đồng ý đối với việc bị đơn xin giảm lãi và gia hạn thời hạn thời gian để thanh toán nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện bị đơn cho rằng:

Thừa nhận cha mẹ của bà là ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B có ký hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, thế chấp tài sản theo nội dung thoả thuận và quá trình thực hiện hợp đồng như ngân hàng trình bày nêu trên là đúng.

Đối với Thẻ tín dụng thì do bà B ký, tuy nhiên ông K và bà B thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng.

Nay bị đơn thống nhất số tiền ông K, bà B còn nợ như ngân hàng nêu là đúng và đồng ý trả số tiền còn nợ cho ngân hàng nhưng xin ngân hàng xem xét giảm lãi và cho thêm thời hạn 60 ngày để bị đơn thanh toán nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 28/3/2024, tổng cộng: 377.384.075đ; trong đó: vốn gốc 283.715.287đ, lãi trong hạn 15.511.743đ đồng, lãi quá hạn 73.720.751đ và lãi phạt chậm trả lãi 4.436.294đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo; xét thấy: đại diện bị đơn thừa nhận ông K, bà B có ký hợp đồng tín dụng; bà B có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với ngân hàng; bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền này. Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng chỉ có bà B ký tên nhưng đại diện bị đơn thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng ông K, bà B và đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Tuy nhiên, đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ ngày 19/9/2020; số tiền là 4.436.294đ; xét thấy: căn cứ theo khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phạt chậm trả lãi.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản đã có công chứng, chứng thực; thực hiện đúng quy định về hình thức và nội dung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông K, bà B thanh toán tiền nợ Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021; tạm tính đến ngày 28/3/2024, còn nợ vốn gốc: 247.647.000đ + lãi trong hạn: 15.511.743đ + lãi quá hạn: 54.890.243đ + phạt chậm trả lãi: 4.436.294đ; tổng cộng: 322.485.280đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng đã ký; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông K, bà B có ký Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021. Ông K, bà B đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thoả thuận của hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà B thanh toán nợ là có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông K, bà B phải trả số tiền phạt chậm trả lãi: 4.436.294đ; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: "*Hợp đồng vay tài sản có thoả thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xét quyết định theo nguyên tắc xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*" và quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N thì ngân hàng được tính lãi phạt đối với tiền lãi chậm trả với mức lãi suất thoả thuận không vượt quá 10%/năm. Tuy nhiên, khi khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy, ngân hàng chỉ được tính lãi phạt đối với tiền lãi trong hạn bị đơn chậm trả từ ngày vi phạm 05/10/2022 đến ngày 08/12/2022 (là thời điểm ngân hàng chuyển nợ quá hạn); tổng cộng tiền lãi trong hạn còn thiếu chậm trả: 15.511.734đ x 10%/năm đến ngày xét xử 28/3/2024: 2.162.526đ.

Kể từ ngày 08/12/2022, tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn trên nợ gốc nên không được tính lãi phạt tiền lãi chậm trả. Việc ngân hàng tiếp tục tính lãi phạt trên lãi chậm trả khi đã chuyển nợ vay quá hạn với mức lãi suất 150% lãi trong hạn là không phù hợp.

Do đó, yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của nguyên đơn được chấp nhận một phần đối với số tiền 2.162.526đ; còn lại số tiền lãi phạt chậm trả lãi (4.436.294đ - 2.162.526đ) = 2.273.768đ là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc ông K, bà B phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ:

Vốn gốc: 247.647.000đ + lãi tạm tính đến ngày 28/3/2024: lãi trong hạn: 15.511.743đ + lãi quá hạn: 54.890.243đ + lãi phạt chậm trả lãi 2.162.526đ; tổng cộng: 320.211.512đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông K, bà B thanh toán nợ còn thiếu của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Platinum cấp ngày 21/9/2020; còn nợ: vốn gốc: 36.068.287đ + lãi quá hạn: 18.830.508đ; tổng cộng: 54.898.795đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đã ký; xét thấy:

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Platinum cấp ngày 21/9/2020 thì chỉ có bà B ký tên. Do quá trình sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, bà B đã sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng ông K và B và đồng ý trả số tiền còn nợ của Thẻ tín dụng. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông K, bà B cùng chịu trách nhiệm trả nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Như vậy; tổng cộng ông K, bà B phải trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng và T2 tín dụng, tạm tính đến ngày 28/3/2024: 320.211.512đ + 54.898.795đ = 375.110.307đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nếu ông K, bà B không trả được nợ; xét thấy,

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CTH.BĐCN.197.260820 ngày 18/09/2020 giữa bà Đinh Thị Ngọc B, ông Phạm Văn K với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 76m² (ODT), thửa số 864, tờ bản đồ số 7B, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04427 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 18/02/2016 do ông Phạm Văn K đứng tên, xác nhận đăng ký chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Ngọc B đứng tên ngày 14/9/2020.

Do đó, hợp đồng thế chấp đã thực hiện đúng hình thức và nội dung nên có hiệu lực pháp luật.

Bên cạnh đó, theo thoả thuận tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp thì nghĩa vụ được đảm bảo của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng là ông K, bà B theo các hợp đồng cấp tín dụng, thẻ tín dụng, kể cả trường hợp phát sinh sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm đối với các khoản nợ gốc (chưa kể lãi, phí, các khoản phải trả khác) tại một thời điểm không vượt quá 426.516.000đ (Bốn trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười sáu ngàn đồng).

Đối chiếu với khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng của bà B, ông K còn nợ tổng cộng số tiền nợ gốc đến thời điểm hiện nay là 283.715.287đ, không vượt quá phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm.

Do đó, nếu ông K, bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng nêu trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu giảm lãi và xin thời hạn 60 ngày để thanh toán nợ: Thấy rằng, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.500.000đ: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.500.000đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông K, bà B phải chịu $(375.110.307đ \times 5\%) = 18.755.500đ$ án phí.

Đối với một phần yêu cầu tiền lãi phạt chậm trả lãi 2.273.768đ của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 158, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Điều 167 Luật Đất đai.

- Điều 317, 318, 320, 323, 502 Bộ luật Dân sự.

- Điều 7, khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Buộc ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 28/3/2024, tổng cộng là: 375.110.307đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm mười ngàn ba trăm lẻ bảy đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký; cụ thể:

Ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ số 318350109 ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021, tổng cộng: 320.211.512đ (Ba trăm hai mươi triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm mười hai đồng); trong đó: vốn gốc: 247.647.000đ + lãi tạm tính đến ngày 28/3/2024: lãi trong hạn: 15.511.743đ + lãi quá hạn: 54.890.243đ + lãi phạt chậm trả lãi 2.162.526đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của Thẻ tín dụng Visa Platinum cấp ngày 21/9/2020 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của bà Đinh Thị Ngọc B đã ký; tạm tính đến ngày 28/3/2024 là: 54.898.795đ (Năm mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng); trong đó: vốn gốc: 36.068.287đ + lãi quá hạn: 18.830.508đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định của hợp đồng đã ký.

Trường hợp ông Phạm Văn K, bà Đinh Thị Ngọc B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng và nợ T2 tín dụng theo hợp đồng đã ký nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CTH.BĐCN.197.260820 ngày 18/09/2020 giữa bà Đinh Thị Ngọc B, ông Phạm Văn K với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 76m² (ODT), thửa số 864, tờ bản đồ số 7B, tọa lạc tại khu

vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH04427 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 18/02/2016 do ông Phạm Văn K đứng tên, xác nhận đăng ký chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Ngọc B đứng tên ngày 14/9/2020.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 2.273.768đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) là tiền lãi phạt chậm trả lãi của Hợp đồng cấp tín dụng ngày 17/9/2020, Khế ước nhận nợ số 318350109 ngày 19/9/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2021.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 2.500.000đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Phạm Văn K và bà Đinh Thị Ngọc B phải chịu 18.755.500đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí.

4.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 8.630.000đ theo Biên lai số 003489 ngày 09/10/2023. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á được nhận 8.330.000đ tiền tạm ứng án phí còn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Cái Răng;
- Chi cục T.H.A Q. Cái Răng;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

